TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2019/QĐST-HNGĐ	*B, ngày 17 tháng 01 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 02/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị N**. Sinh năm 1989.
- Bị đơn: Anh **Hoàng Văn L**. Sinh năm 1990.

Đều trú tại: Thôn N, xã L, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 01 năm 2019,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 01 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Bùi Thị N và anh Hoàng Văn L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị N và anh Hoàng Văn L thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Bùi Thị N và anh Hoàng Văn L có 01 con chung là Hoàng Thành L sinh ngày 06/9/2012, con khỏe mạnh, phát triển bình thường. Sau ly hôn giao con chung cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi. Anh L không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung. Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về vay nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Chị Bùi Thị N tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai thu số 08629 ngày 05/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Hoàn lại cho chị N số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Anh Hoàng Văn L không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND H. B;
- Chi cục THADS H. B;
- UBND xã B, huyện Y;
tỉnh Hòa Bình;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Triệu Thị Huyền